

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thùy Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 24/06/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 05 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 351,28 tỷ đồng, lỗ lũy kế 222,49 tỷ đồng tương ứng 43,79% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục do các nguyên nhân được Công ty trình bày tại thuyết minh số 01, cụ thể:

1. Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.
2. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 228,18 tỷ tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 xuống còn 222,49 tỷ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền 

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		540.690.556.068	497.915.971.238
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.007.897.032	2.037.917.025
111	1. Tiền		2.007.897.032	2.037.917.025
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		509.178.140.924	469.225.778.524
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	505.817.843.231	469.017.296.688
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.285.334.879	103.924.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	249.243.767	278.837.989
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	25.846.486.842	25.117.594.627
141	1. Hàng tồn kho		25.846.486.842	25.117.594.627
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.658.031.270	1.534.681.062
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.658.031.270	1.534.681.062
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		870.008.471.579	907.020.664.341
220	II. Tài sản cố định		847.700.984.933	880.183.376.388
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	847.642.210.261	880.111.540.682
222	- Nguyên giá		1.258.157.980.036	1.258.116.380.036
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(410.515.769.775)	(378.004.839.354)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	58.774.672	71.835.706
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(187.225.328)	(174.164.294)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		22.307.486.646	26.837.287.953
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	22.307.486.646	26.837.287.953
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.410.699.027.647	1.404.936.635.579


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.125.192.678.578	1.125.120.627.989
310	I. Nợ ngắn hạn		891.969.391.521	856.897.340.932
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	581.235.743.399	526.194.007.898
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	8.061.953.990	1.078.312.011
314	3. Phải trả người lao động		6.948.694.922	5.215.073.816
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	668.393.861	885.408.163
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.019.032.763	4.913.759.107
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	289.492.612.586	318.610.779.937
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	1.542.960.000	-
330	II. Nợ dài hạn		233.223.287.057	268.223.287.057
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	233.223.287.057	268.223.287.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		285.506.349.069	279.816.007.590
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	285.506.349.069	279.816.007.590
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(222.493.652.398)	(228.183.993.877)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(228.183.993.877)	(256.706.166.417)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		5.690.341.479	28.522.172.540
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.410.699.027.647	1.404.936.635.579


Nguyễn Thị Huệ
Người lập


Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng


Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	3.134.663.857.360	2.249.400.481.714
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.134.663.857.360	2.249.400.481.714
11	4. Giá vốn hàng bán	21	3.097.119.908.479	2.193.953.484.707
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.543.948.881	55.446.997.007
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.744.681	3.915.876
22	7. Chi phí tài chính	23	25.000.259.566	29.496.106.274
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.909.857.209	29.391.504.606
25	8. Chi phí bán hàng	24	97.719.332	144.721.751
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.116.099.137	5.912.164.042
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.332.615.527	19.897.920.816
31	11. Thu nhập khác	26	2.567.975.321	1.787.989.406
32	12. Chi phí khác	27	320.688.662	187.373.854
40	13. Lợi nhuận khác		2.247.286.659	1.600.615.552
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.579.902.186	21.498.536.368
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.889.560.707	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.690.341.479</u>	<u>21.498.536.368</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	112	423

UAR

17/06/2021



Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.579.902.186	21.498.536.368
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.523.991.455	32.269.335.648
03	- Các khoản dự phòng		1.542.960.000	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.744.681)	(3.915.876)
06	- Chi phí lãi vay		24.909.857.209	29.391.504.606
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		67.553.966.169	83.155.460.746
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(39.952.362.400)	36.387.232.472
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(728.892.215)	(2.173.226.410)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		61.232.769.856	(24.546.352.425)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.406.451.099	5.225.279.470
14	- Tiền lãi vay đã trả		(26.064.929.832)	(57.098.654.261)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(320.000.000)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.880.000
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		64.127.002.677	40.953.619.592
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(41.600.000)	(68.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.744.681	3.915.876
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.855.319)	(64.084.124)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		281.379.431.097	321.739.772.520
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(345.497.598.448)	(360.728.103.471)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(64.118.167.351)	(38.988.330.951)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(30.019.993)	1.901.204.517
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.037.917.025	216.282.876
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.007.897.032</u>	<u>2.117.487.393</u>

LT

11/06/21



Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 267 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 268 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 30/06/2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 351,28 tỷ đồng, lỗ lũy kế 222,49 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.

Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 228,18 tỷ tại ngày 01/01/2021 xuống còn 222,49 tỷ tại ngày 30/06/2021. Chính vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Giai đoạn đầu năm 2021 thị trường thép vẫn tiếp tục tăng trưởng cả về sản lượng tiêu thụ cũng như giá bán dẫn đến doanh thu bán hàng của Công ty tăng trưởng tốt so với kỳ trước. Tuy nhiên, giá các nguyên liệu chính như phôi thép, dầu FO...cũng liên tục tăng giá trong 6 tháng đầu năm khiến cho lợi nhuận gộp đơn vị của Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Ngoài ra khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước là tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.10 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	50.186.223	96.239.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.957.710.809	1.941.677.423
	2.007.897.032	2.037.917.025

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	505.643.562.278	-	468.797.795.235	-
- Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	219.501.453	(174.280.953)
	505.817.843.231	(174.280.953)	469.017.296.688	(174.280.953)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	505.643.562.278	-	468.797.795.235	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn đầu tư Quốc tế	-	-	55.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sản xuất Bắc Việt	1.362.950.000	-	-	-
Công ty TNHH Glory Thành Đô	896.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại Lê Duyên Anh	587.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Saigon Trust	342.175.000	-	-	-
Các đối tượng khác	96.809.879	-	48.924.800	-
	3.285.334.879	-	103.924.800	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động về bảo hiểm bắt buộc	166.266.063	-	166.045.286	-
Tạm ứng	-	-	8.265.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Phải thu khác	22.977.704	-	44.527.703	-
	249.243.767	-	278.837.989	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

7 . NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	174.280.953	-	174.280.953	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.963.384.481	-	24.254.631.834	-
Công cụ, dụng cụ	883.102.361	-	862.962.793	-
	25.846.486.842	-	25.117.594.627	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	164.411.326.048	896.248.916.719	197.305.440.949	150.696.320	1.258.116.380.036
- Mua trong kỳ	-	-	-	41.600.000	41.600.000
Số dư cuối kỳ	164.411.326.048	896.248.916.719	197.305.440.949	192.296.320	1.258.157.980.036
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	45.000.000.243	289.356.094.537	43.498.048.254	150.696.320	378.004.839.354
- Khấu hao trong kỳ	3.525.618.420	23.760.212.967	5.224.182.045	916.989	32.510.930.421
Số dư cuối kỳ	48.525.618.663	313.116.307.504	48.722.230.299	151.613.309	410.515.769.775
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	119.411.325.805	606.892.822.182	153.807.392.695	-	880.111.540.682
Tại ngày cuối kỳ	115.885.707.385	583.132.609.215	148.583.210.650	40.683.011	847.642.210.261

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 846.735.682.036 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 736.226.320 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 30/06/2021 lần lượt là 246.000.000 đồng và 187.225.328 đồng. Khấu hao trong kỳ là 13.061.034 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên và công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.437.044.645	1.056.470.756
Chi phí mua bảo hiểm	88.565.764	478.210.306
Tiền thuê đất	124.545.861	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.875.000	-
	3.658.031.270	1.534.681.062
b) Dài hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên xuất dùng	4.813.749.803	4.930.950.215
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất (*)	17.493.736.843	21.890.608.738
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	15.729.000
	22.307.486.646	26.837.287.953

(*) Vật liệu phụ phục vụ sản xuất là các phụ kiện phục vụ cán thép như trục cán, con lăn, lưỡi dao cắt ... có thời gian phân bổ trên 12 tháng.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	562.582.804.326	562.582.804.326	504.777.520.129	504.777.520.129
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ xăng dầu Đình Vũ	6.696.365.490	6.696.365.490	10.242.919.076	10.242.919.076
Phải trả các đối tượng khác	11.956.573.583	11.956.573.583	11.173.568.693	11.173.568.693
	581.235.743.399	581.235.743.399	526.194.007.898	526.194.007.898
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	562.582.804.326	562.582.804.326	504.777.520.129	504.777.520.129

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.078.312.011	9.364.646.946	5.199.657.397	-	5.243.301.560
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.889.560.707	320.000.000	-	2.569.560.707
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	38.617.661	38.617.661	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	249.091.723	-	-	249.091.723
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	1.078.312.011	12.544.917.037	5.561.275.058	-	8.061.953.990

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	644.695.473	872.639.347
- Chi phí phải trả khác	23.698.388	12.768.816
	<u>668.393.861</u>	<u>885.408.163</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	94.870.193	94.208.059
- Phải trả lãi vay	3.774.546.357	4.701.675.106
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh</i>	-	1.017.531.106
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	3.774.546.357	3.684.144.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	149.616.213	117.875.942
	<u>4.019.032.763</u>	<u>4.913.759.107</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16 . VAY

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	248.610.779.937	248.610.779.937	281.379.431.097	310.497.598.448	219.492.612.586	219.492.612.586
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên ⁽¹⁾	248.610.779.937	248.610.779.937	281.379.431.097	310.497.598.448	219.492.612.586	219.492.612.586
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	70.000.000.000	70.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả ⁽²⁾	70.000.000.000	70.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
	318.610.779.937	318.610.779.937	316.379.431.097	345.497.598.448	289.492.612.586	289.492.612.586
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ⁽²⁾	338.223.287.057	338.223.287.057	-	35.000.000.000	303.223.287.057	303.223.287.057
	338.223.287.057	338.223.287.057	-	35.000.000.000	303.223.287.057	303.223.287.057
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)			(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	268.223.287.057	268.223.287.057			233.223.287.057	233.223.287.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2021	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
1	HĐ vay ngắn hạn số 40.02/2020/2573181/HĐTD	02-03-21	6,5%	5 tháng	11.818.763.075	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
2	HĐ vay ngắn hạn số 41.02/2020/2573181/HĐTD	03-03-21	6,5%	5 tháng	33.657.300.680	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
3	HĐ vay ngắn hạn số 42.02/2020/2573181/HĐTD	04-03-21	6,5%	5 tháng	10.206.065.200	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
4	HĐ vay ngắn hạn số 43.02/2020/2573181/HĐTD	10-03-21	6,5%	5 tháng	3.116.306.197	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
5	HĐ vay ngắn hạn số 44.02/2020/2573181/HĐTD	12-03-21	6,5%	5 tháng	12.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
6	HĐ vay ngắn hạn số 45.02/2020/2573181/HĐTD	16-03-21	6,5%	5 tháng	1.220.565.716	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
7	HĐ vay ngắn hạn số 46.02/2020/2573181/HĐTD	18-03-21	6,5%	5 tháng	3.868.473.315	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
8	HĐ vay ngắn hạn số 47.02/2020/2573181/HĐTD	25-03-21	6,5%	5 tháng	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
9	HĐ vay ngắn hạn số 48.02/2020/2573181/HĐTD	30-03-21	6,5%	5 tháng	6.122.985.898	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
10	HĐ vay ngắn hạn số 49.02/2020/2573181/HĐTD	02-04-21	6,5%	5 tháng	1.600.678.307	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
11	HĐ vay ngắn hạn số 50.02/2020/2573181/HĐTD	07-04-21	6,5%	5 tháng	1.338.623.832	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
12	HĐ vay ngắn hạn số 51.02/2020/2573181/HĐTD	14-04-21	6,5%	5 tháng	5.294.686.564	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
13	HĐ vay ngắn hạn số 52.02/2020/2573181/HĐTD	20-04-21	6,5%	5 tháng	9.035.784.101	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
14	HĐ vay ngắn hạn số 53.02/2020/2573181/HĐTD	22-04-21	6,5%	5 tháng	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
15	HĐ vay ngắn hạn số 54.02/2020/2573181/HĐTD	27-04-21	6,5%	5 tháng	25.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
16	HĐ vay ngắn hạn số 55.02/2020/2573181/HĐTD	28-04-21	6,5%	5 tháng	5.906.509.756	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
17	HĐ vay ngắn hạn số 56.02/2020/2573181/HĐTD	11-05-21	6,5%	5 tháng	2.763.649.966	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
18	HĐ vay ngắn hạn số 57.02/2020/2573181/HĐTD	13-05-21	6,5%	5 tháng	3.709.931.303	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
19	HĐ vay ngắn hạn số 58.02/2020/2573181/HĐTD	14-05-21	6,5%	5 tháng	3.959.153.781	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
20	HĐ vay ngắn hạn số 59.02/2020/2573181/HĐTD	19-05-21	6,5%	5 tháng	3.187.562.006	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
21	HĐ vay ngắn hạn số 60.02/2020/2573181/HĐTD	26-05-21	6,5%	5 tháng	8.541.950.179	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2021	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
22	HĐ vay ngắn hạn số 61.02/2020/2573181/HĐTD	31-05-21	6,5%	5 tháng	2.690.620.680	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
23	HĐ vay ngắn hạn số 62.02/2020/2573181/HĐTD	08-06-21	6,5%	5 tháng	4.100.049.091	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
24	HĐ vay ngắn hạn số 63.02/2020/2573181/HĐTD	11-06-21	6,5%	5 tháng	4.628.639.820	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
25	HĐ vay ngắn hạn số 64.02/2020/2573181/HĐTD	15-06-21	6,5%	5 tháng	2.333.264.125	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
26	HĐ vay ngắn hạn số 65.02/2020/2573181/HĐTD	18-06-21	6,5%	5 tháng	5.063.338.507	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
27	HĐ vay ngắn hạn số 66.02/2020/2573181/HĐTD	24-06-21	6,5%	5 tháng	4.787.482.360	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
28	HĐ vay ngắn hạn số 67.02/2020/2573181/HĐTD	29-06-21	6,5%	5 tháng	3.540.228.127	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	Tổng cộng				219.492.612.586		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2021	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên				132.114.376.210	30.499.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	132.114.376.210	30.499.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang				59.704.668.697	13.783.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	59.704.668.697	13.783.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)				39.782.897.579	9.184.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	39.782.897.579	9.184.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân Hàng NN&PT Nông thôn CN Thái Nguyên				31.838.446.993	7.350.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	31.838.446.993	7.350.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)				19.891.448.789	4.592.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	19.891.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên				19.891.448.789	4.592.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	19.891.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
Tổng cộng				303.223.287.057	70.000.000.000	

(*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự phòng chi phí sửa chữa, lắp đặt TSCĐ	1.542.960.000	-
	1.542.960.000	-

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(256.706.166.417)	251.293.835.050
Lãi trong kỳ trước	-	21.498.536.368	21.498.536.368
Số dư cuối kỳ trước	508.000.001.467	(235.207.630.049)	272.792.371.418
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(228.183.993.877)	279.816.007.590
Lãi trong kỳ này	-	5.690.341.479	5.690.341.479
Số dư cuối kỳ này	508.000.001.467	(222.493.652.398)	285.506.349.069

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68%	475.876.533.387	93,68%	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77%	24.208.538.080	4,77%	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55%	7.914.930.000	1,55%	7.914.930.000
	100%	508.000.001.467	100%	508.000.001.467

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp đầu kỳ	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối kỳ	508.000.001.467	508.000.001.467

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. Số tiền Công ty phải nộp trong năm 2021 theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên là 249.091.723 đồng.

b) Tài sản nhận giữ hộ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Phôi nhận gửi (tấn)	19.783,22	19.065,28
- Thép nhận gửi (tấn)	21.365,79	11.509,13
	41.149	30.574

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	3.134.663.857.360	2.249.400.481.714
	3.134.663.857.360	2.249.400.481.714
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	3.032.777.382.795	2.178.506.433.334

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.097.119.908.479	2.193.953.484.707
	3.097.119.908.479	2.193.953.484.707
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	2.838.206.738.255	1.990.657.411.927
Trong đó:		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	2.838.206.738.255	1.990.657.411.927
+ Còn tồn kho	-	-
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.744.681	3.915.876
	2.744.681	3.915.876

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.909.857.209	29.391.504.606
Lãi mua hàng trả chậm	90.402.357	104.599.320
Chi phí tài chính khác	-	2.348
	25.000.259.566	29.496.106.274

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.414.906	5.459.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.354.426	111.912.440
Chi phí khác bằng tiền	7.950.000	27.350.000
	97.719.332	144.721.751

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.350.723	317.683.499
Chi phí nhân công	2.904.265.168	2.521.134.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	546.060.687	549.978.978
Thuế, phí, lệ phí	127.545.862	133.863.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	835.745.588	947.970.239
Chi phí khác bằng tiền	1.440.131.109	1.441.533.912
	6.116.099.137	5.912.164.042

26 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thép phế thu hồi trên mặt bằng nhà máy	112.500.000	-
Thu nhập từ bán xỉ bùn, vảy cán	2.419.381.090	1.779.574.860
Thu nhập khác	36.094.231	8.414.546
	2.567.975.321	1.787.989.406

27 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	50.904.672	-
Chi phí thu gom xỉ bùn, vảy cán	259.519.364	187.373.854
Chi phí khác	10.264.626	-
	320.688.662	187.373.854

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.579.902.186	21.498.536.368
Các khoản điều chỉnh tăng	5.867.901.347	4.964.051.048
- Chi phí không hợp lệ	5.867.901.347	4.964.051.048
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(26.462.587.416)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(26.462.587.416)
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.447.803.533	-
Số còn được chuyển lỗ kỳ sau	-	55.553.310.186
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.889.560.707	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(320.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.569.560.707	-

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.690.341.479	21.498.536.368
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.690.341.479	21.498.536.368
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.800.000	50.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	112	423

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.036.581.616.533	2.156.563.986.467
Chi phí nhân công	20.390.992.879	17.720.825.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.523.991.455	32.269.335.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.888.072.683	7.961.935.712
Chi phí khác bằng tiền	4.830.077.388	4.627.952.748
	3.103.214.750.938	2.219.144.036.231

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.007.897.032	-	2.037.917.025	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	506.067.086.998	(174.280.953)	469.296.134.677	(174.280.953)
	508.074.984.030	(174.280.953)	471.334.051.702	(174.280.953)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			522.715.899.643	586.834.066.994
Phải trả người bán, phải trả khác			585.254.776.162	531.107.767.005
Chi phí phải trả			668.393.861	885.408.163
			1.108.639.069.666	1.118.827.242.162

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.007.897.032	-	-	2.007.897.032
Phải thu khách hàng, phải thu khác	505.892.806.045	-	-	505.892.806.045
	<u>507.900.703.077</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>507.900.703.077</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.037.917.025	-	-	2.037.917.025
Phải thu khách hàng, phải thu khác	469.121.853.724	-	-	469.121.853.724
	<u>471.159.770.749</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>471.159.770.749</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	289.492.612.586	233.223.287.057	-	522.715.899.643
Phải trả người bán, phải trả khác	585.254.776.162	-	-	585.254.776.162
Chi phí phải trả	668.393.861	-	-	668.393.861
	<u>875.415.782.609</u>	<u>233.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>1.108.639.069.666</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	318.610.779.937	268.223.287.057	-	586.834.066.994
Phải trả người bán, phải trả khác	531.107.767.005	-	-	531.107.767.005
Chi phí phải trả	885.408.163	-	-	885.408.163
	<u>850.603.955.105</u>	<u>268.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>1.118.827.242.162</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ		
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ		
Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: .			
Giao dịch phát sinh trong kỳ:		06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
		VND	VND
Doanh thu		3.032.777.382.795	2.178.506.433.334
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên		3.032.777.382.795	2.178.506.433.334
Mua hàng		2.838.206.738.255	1.990.657.411.927
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên		2.838.206.738.255	1.990.657.411.927
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		505.643.562.278	468.797.795.235
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên		505.643.562.278	468.797.795.235
Phải trả người bán ngắn hạn		562.582.804.326	504.777.520.129
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên		562.582.804.326	504.777.520.129
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	Mối quan hệ	VND	VND
Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT	36.700.000	22.500.000
Ông Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	200.425.159	193.905.562
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	157.621.767	163.123.695
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	162.673.767	167.696.495

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng



Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2021

